TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DSST
Ngày: 23/9/2019
V/v tranh chấp"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Thìn.
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 570/2019/TLST-DS ngày 13/8/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-DS ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 870/2019/QĐST-DS ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P , sinh năm 1975
Thường trú: 68/7, KP3, P. L Tân, Tp. B, Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thái T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Phạm Văn Thuận, KP4, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Theo giấy bản ủy quyền ngày 15/8/2018
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970
Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972
Cùng thường trú: tổ 4, KP6, P. L, Tp. B, Đồng Nai.
(ông T, bà A có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Nguyên vào ngày 04/12/2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A có vay của bà Phương số tiền là 700.000.000Đ (bảy trăm triệu đồng). Khi ông H, bà A vay tiền thì có lập giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền này do bà A tự viết và cả hai vợ chồng ông H, bà A cùng ký tên. Bà Phương đã giao đầy đủ tiền vay cho ông H, bà A ngay trong ngày 04/12/2012. Việc ông H, bà A vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) là số tiền riêng của bà Phương, không phải là tài sản chung của bà Phương với chồng bà là ông Đinh Văn Kha. Chính vì thế, chồng bà

ông Đinh Văn Kha không có liên quan gì đến số tiền cho vay nêu trên. Việc bà Phương cho ông H, bà A vay tiền là không có lãi suất và thời hạn trả tiền vay là khi nào bà Phương báo trước 01 tháng thì ông H, bà A phải trả lại tiền vay cho bà.

Vào đầu tháng 6 năm 2013, bà có báo cho ông H, bà A là đầu tháng 7/2013 bà cần tiền, nên ông H, bà A phải chuẩn bị tiền để trả tiền vay cho bà Phương. Khi nhận được yêu cầu của bà về việc đầu tháng 7/2013 phải trả tiền thì vợ chồng ông H, bà A đồng ý. Tuy nhiên, khi đến ngày trả tiền vay là ngày 01/7/2013, ông H, bà A không trả tiền vay như đã thỏa thuận. Bà đã nhiều lần đến nhà gặp ông H, bà A để đòi nợ nhưng ông H, bà A chỉ hứa hẹn khi nào bán được nhà thì sẽ trả tiền cho bà. Đến nay, đã hơn 06 năm kể từ ngày bà thông báo sẽ lấy lại tiền vay mà ông H, bà A vẫn không chịu trả tiền cho bà.

Qua nhiều lần bà yêu cầu ông H, bà A trả tiền vay và thương lượng nhưng không có hiệu quả nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A phải trả lại số tiền nợ gốc đã vay là: 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Tiền lãi yêu cầu ông H , bà A phải trả từ ngày 01/7/2013 cho đến ngày 1/7/2019 là 700.000.000Đ x 0,83%/1 tháng x 72 tháng = 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), từ ngày 1/8/2019 đến ngày Tòa án xét xử thì không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng gốc và lãi là 700.000.000 đồng + 418.320.000 đồng = 1.118.320.000 đồng (một tỉ một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Do các bên đã thương lượng với nhau rất nhiều lần nhưng không có kết quả nên nay phía nguyên đơn đề nghị Tòa án chỉ tiến hành hòa giải, tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ một lần su đó đưa vụ án ra xét xử.

* Căn cứ bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Về số tiền vay mượn, thời hạn vay, lãi suất mà nguyên đơn trình bày là đúng: Do cần tiền để trang trãi cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng bà có vay của bà Phương số tiền gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) từ năm 2012 đến nay do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng bà gặp khó khăn nên bà chưa trả được tiền gốc và lãi cho bà Phương.

Nay bà Phương khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà thanh toán số tiền gốc là 700.000.000đ và tiền lãi là từ ngày 01/7/2013 cho đến ngày 1/7/2019 là 700.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 72 tháng = 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) thì vợ chồng bà đồng ý thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho bà Phương tổng cộng là 1.118.320.000 đồng (một tỉ, một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Chồng bà là ông Nguyễn Văn H do đi làm về nhà rất trễ nên không thể đến Tòa án để tham gia làm việc hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và khi vụ án được đưa ra xét xử, bà có nhận thay cho chồng bà các văn bản tố tụng của Tòa án và bà cam kết sẽ giao lại ngay cho ông H để ông H biết.

Do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần mà đưa vụ án ra xét xử và cho vợ chồng bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A có địa chỉ: 20/86, tổ 4, KP6, P. L, Tp. B, Đồng Nai tranh chấp số tiền cho vay tài sản và tiền lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T, bị đơn bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với ông H Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử cho ông H có vợ là bà A nhận thay các văn bản trên và cam kết sẽ giao lại ngay cho ông H nhưng ông Hiệp vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**,** Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phương, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Bà Phương căn cứ vào chứng cứ là "Giấy vay nợ" thể hiện nội dung ông H bà A xác nhận đã vay của bà Phương số tiền gốc là 700.000.000đ từ năm 2012, quá trình làm việc, hòa giải công khai chứng cứ bà A đều thừa nhận vợ chồng bà có nợ của bà Phương số tiền gốc là 700.000.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả nợ gốc là 700.000.000đ và lãi suất là 418.320.000đ (lãi suất áp dụng là 0,83%/tháng) là có lợi cho bị đơn và bị đơn cũng đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 700.000.000đ và lãi suất từ ngày 01/7/2013 cho đến ngày 1/7/2019 là 700.000.000đ x 0,83%/1 tháng x 72 tháng = 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.118.320.000 đồng (một tỉ, một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết. ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 45.549.600đ (bốn mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 22.774.800 đồng (hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm đồng) cho bà Phương đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000033 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, điều 111, 112, điều 121, điều 147, Điều 227, Điều 228, và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 388, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 1.118.320.000 đồng (một tỉ, một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và lãi suất là 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 45.549.600đ (bốn mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị P số tiền 22.774.800 (hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000033 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự bà Phương, bà A, ông H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương